

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam

Ngày 31/03/2025	15,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.4%	9.3%	-

DT thuần Q1/25
71.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.50 -4.6%
YoY: ▲43.4 152%

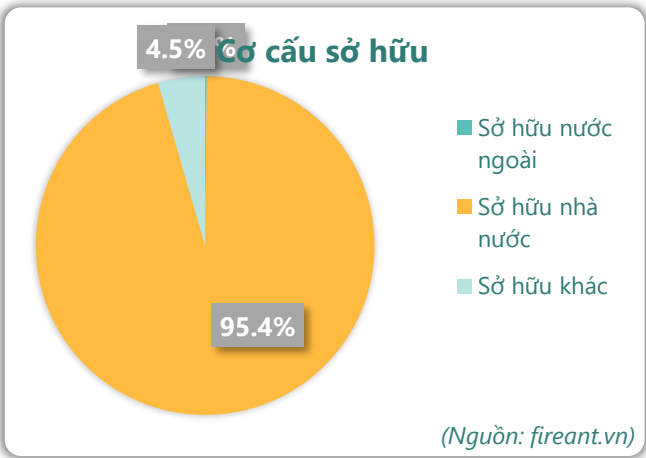
LN thuần Q1/25
-1.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.24 -117%
YoY: ▼11.3 -113%

LN sau thuế Q1/25
-1.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.82 -116%
YoY: ▼11.0 -114%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-1.8%
YoY: +/- ▼12.8%

ROE (TTM) Q1/25
3.2%
YoY: +/- ▼2.0%

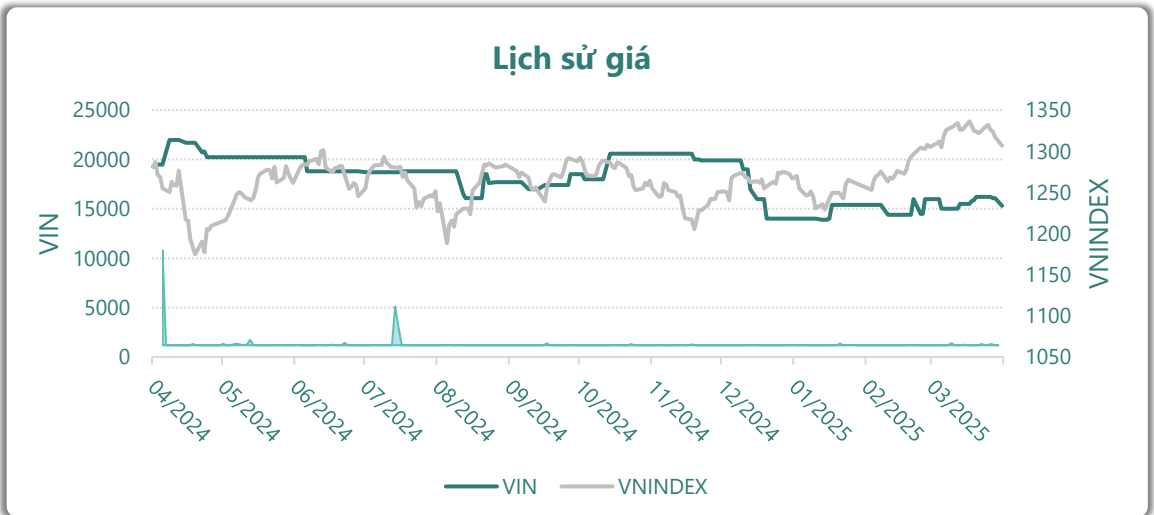
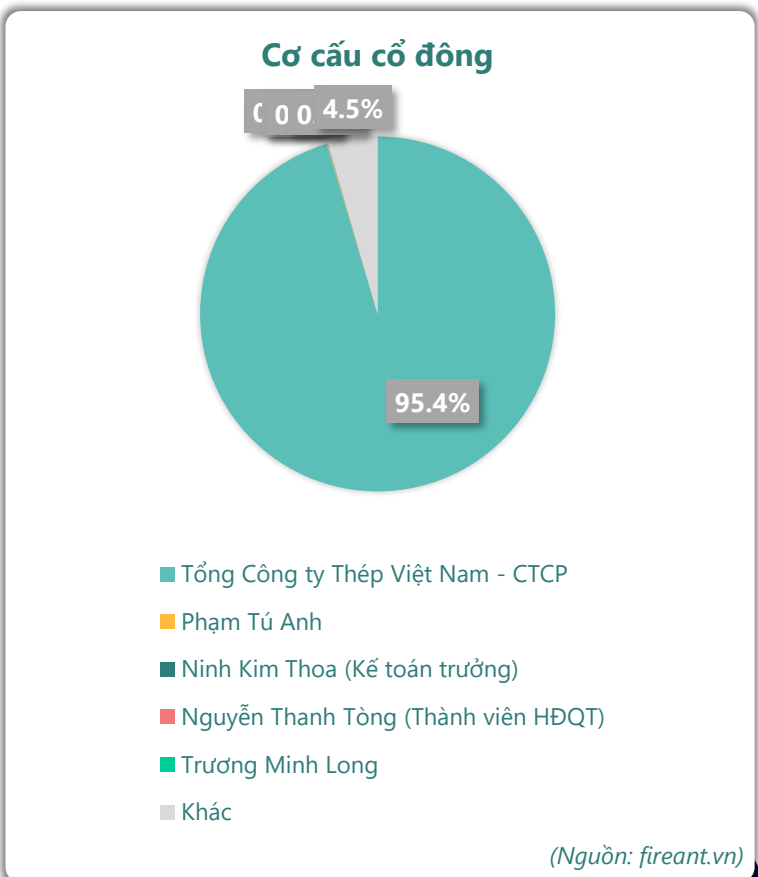
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,900 - 21,982
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	390
Số lượng CPLH (CP)	25,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,260
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.72
EPS	714
P/E	21.4



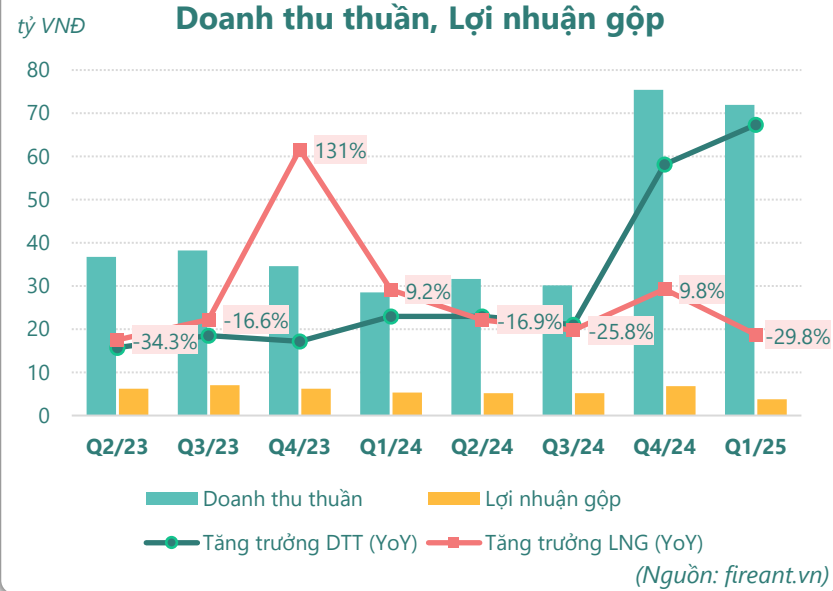
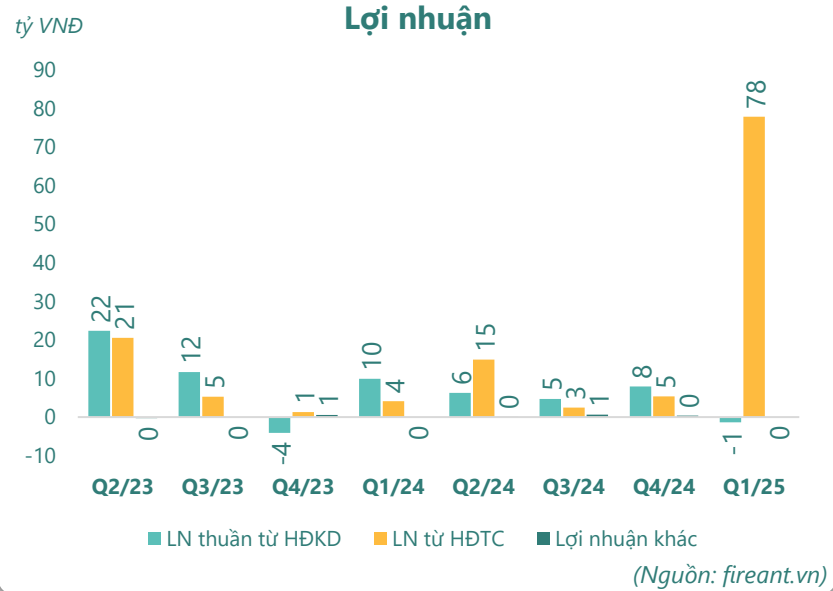
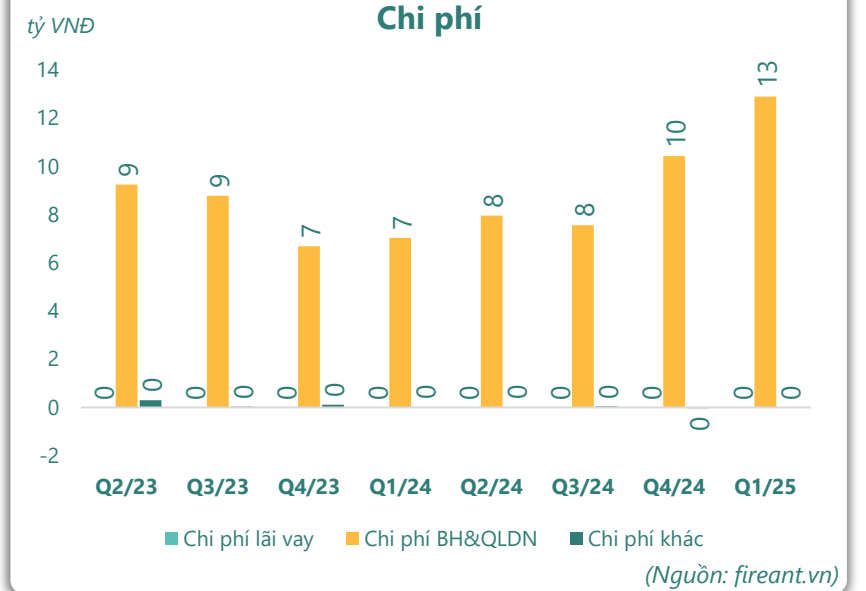
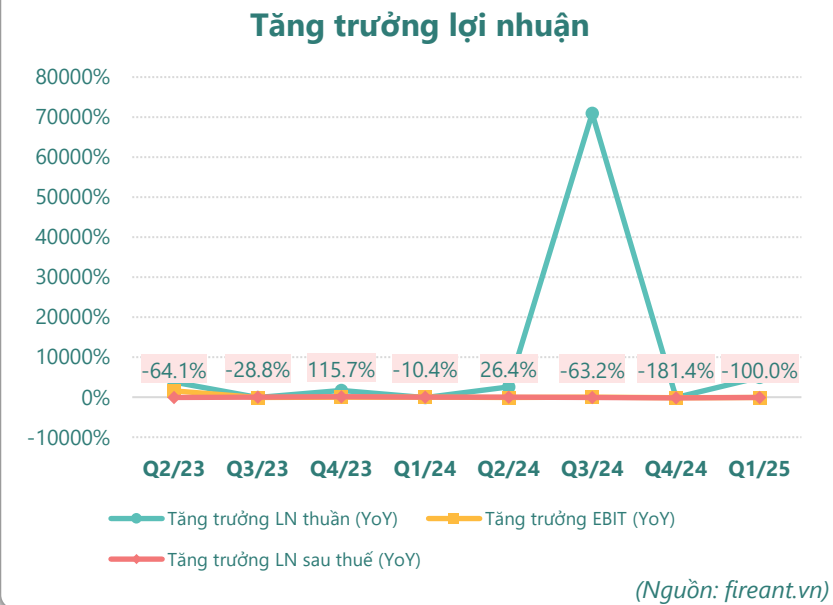
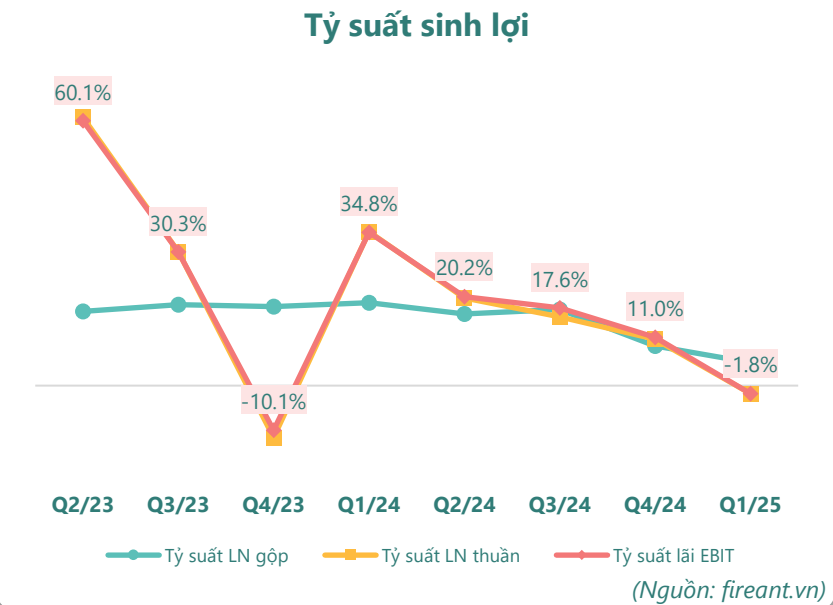
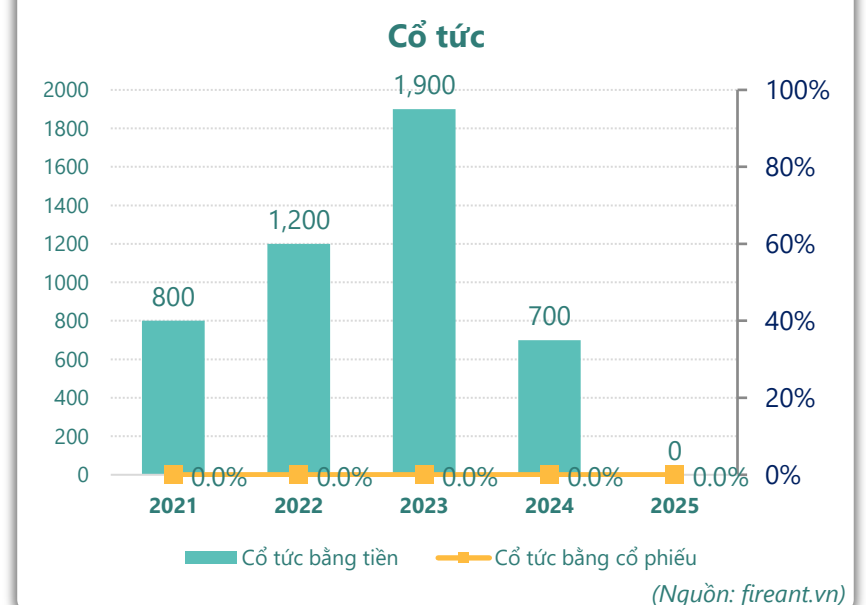
DT thuần 2024
166
tỷ VNĐ
YoY: ▲24.0 16.3%

LN thuần 2024
28.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.5 -34.9%

LN sau thuế 2024
29.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.0 -32.4%



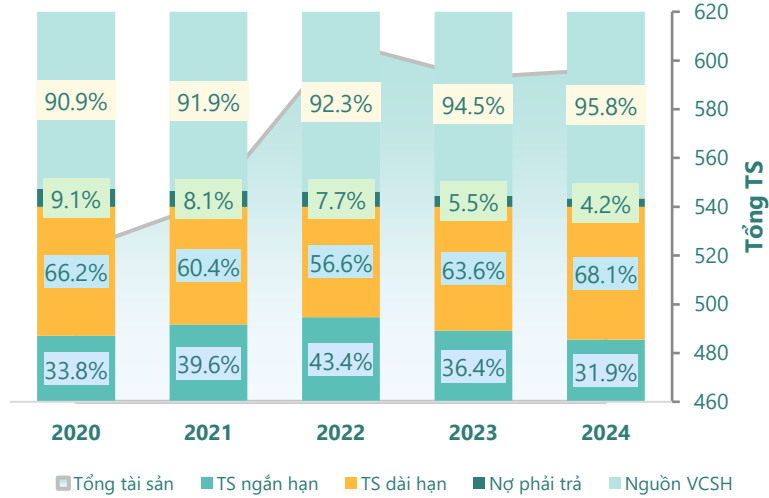
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

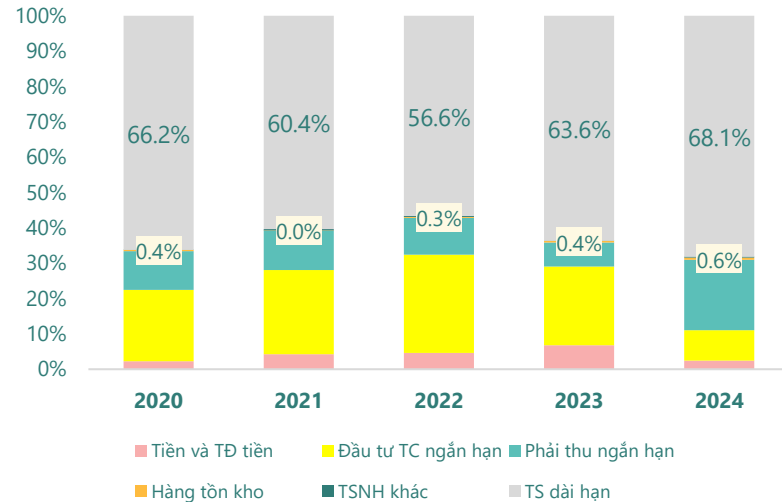
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

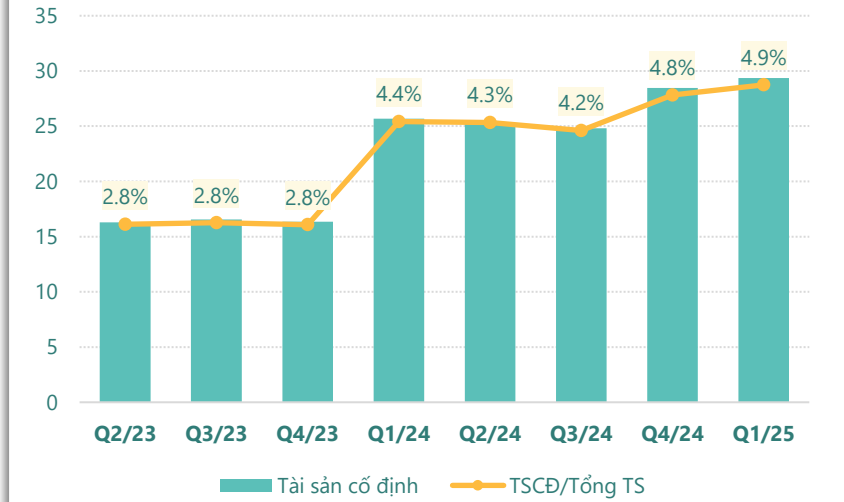
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

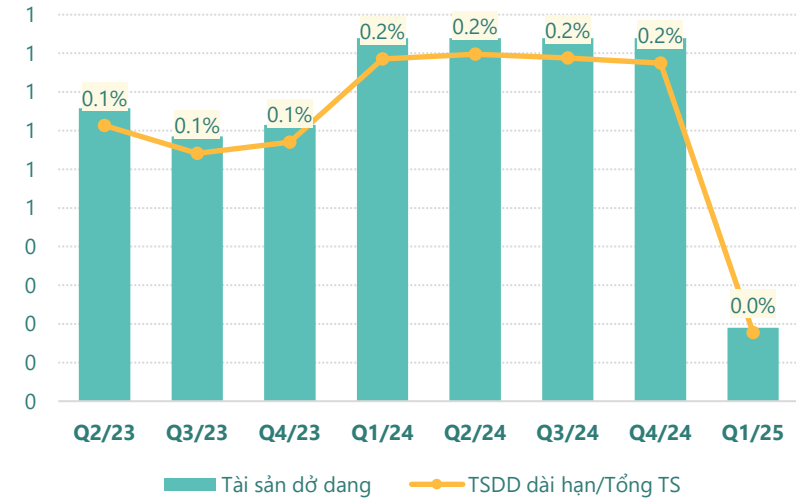
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

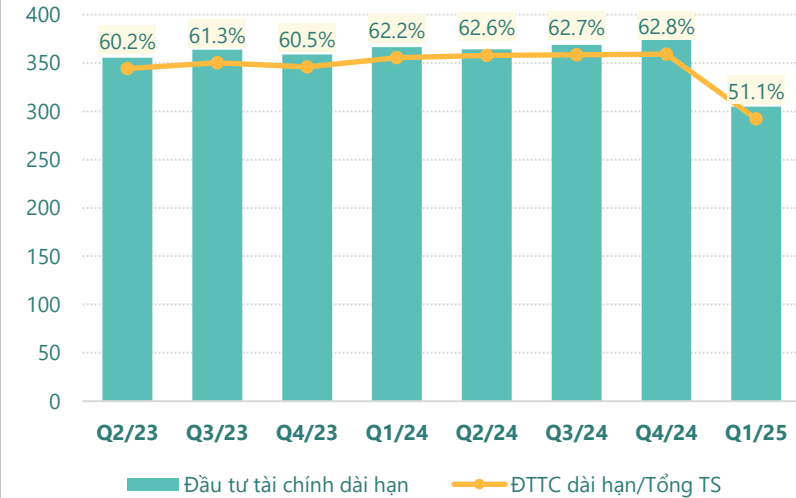
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

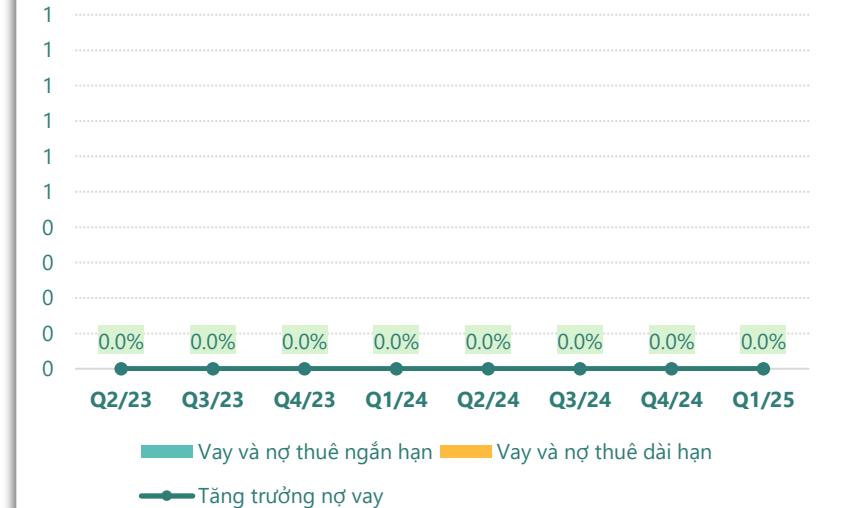
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

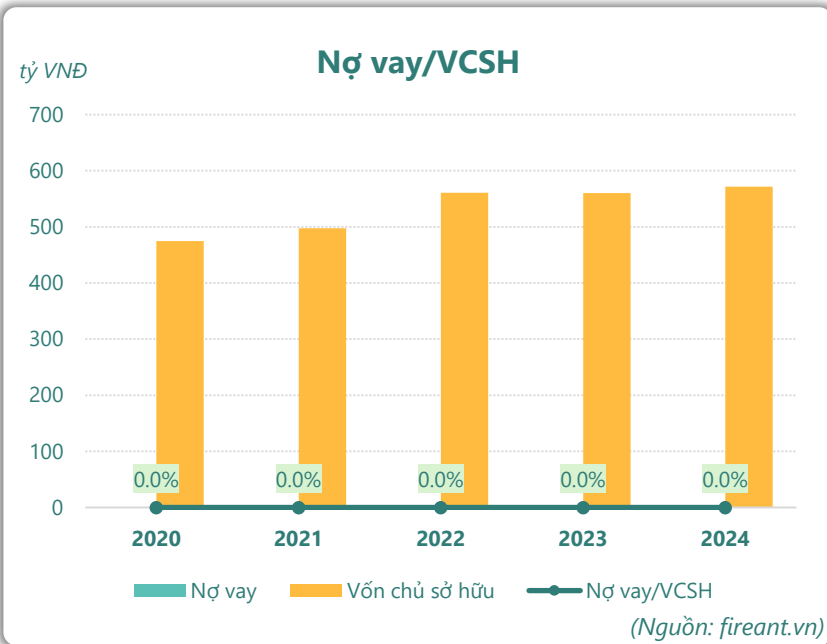
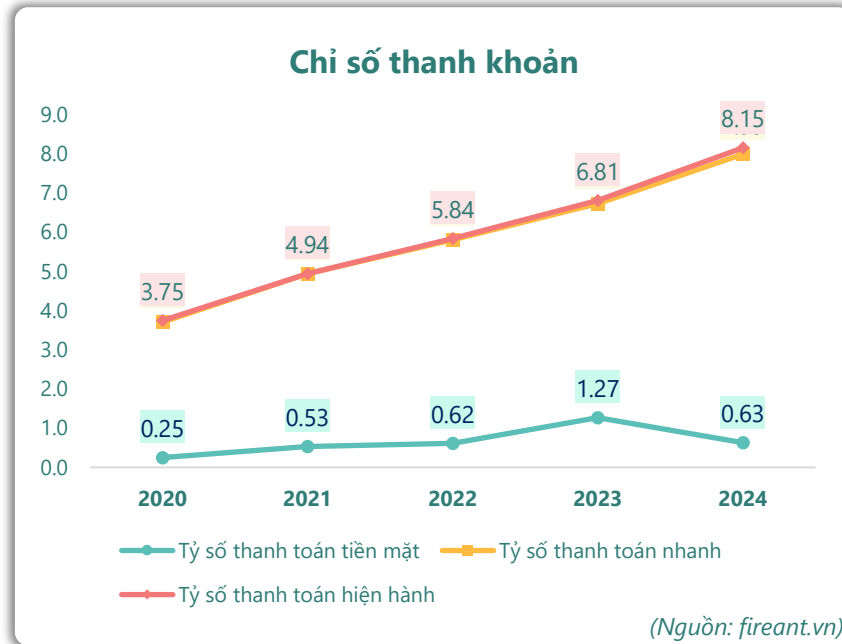
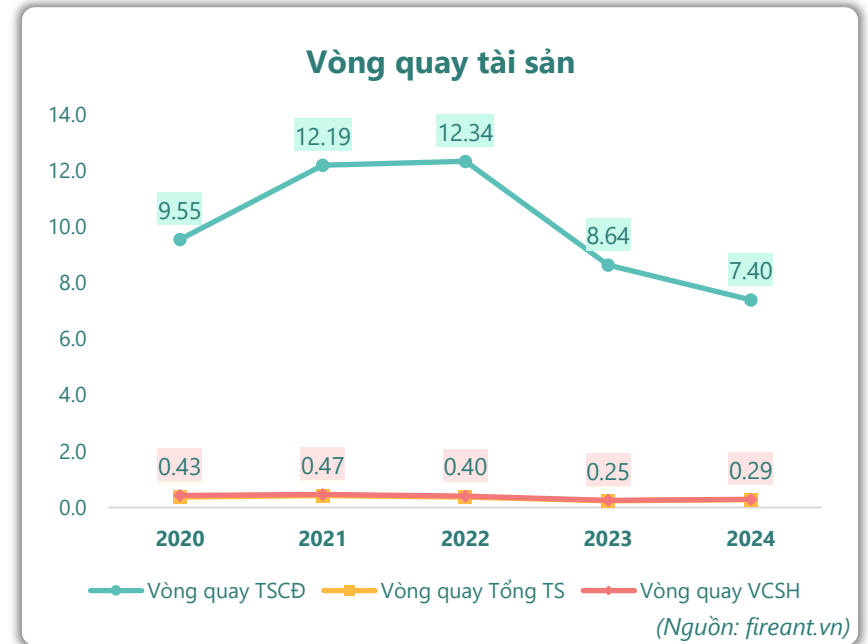
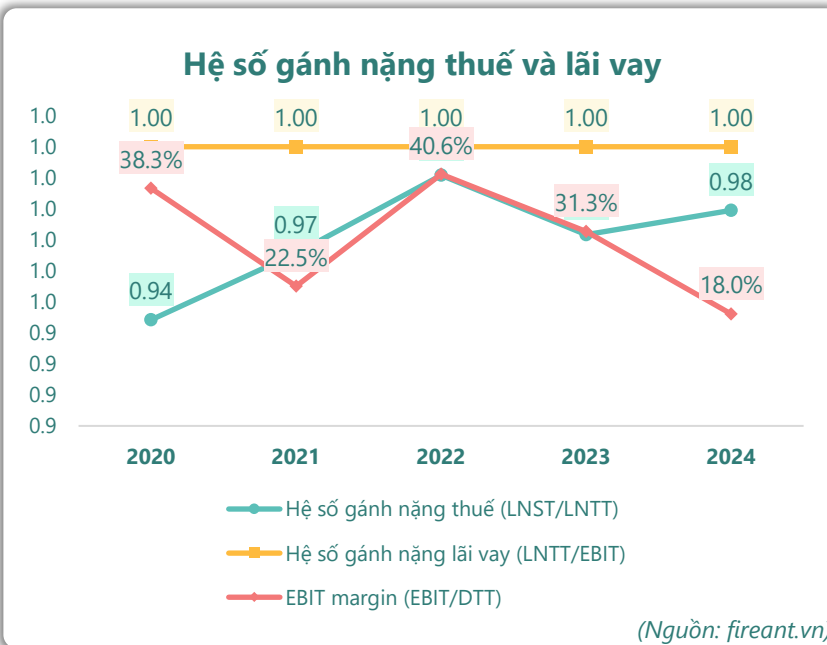
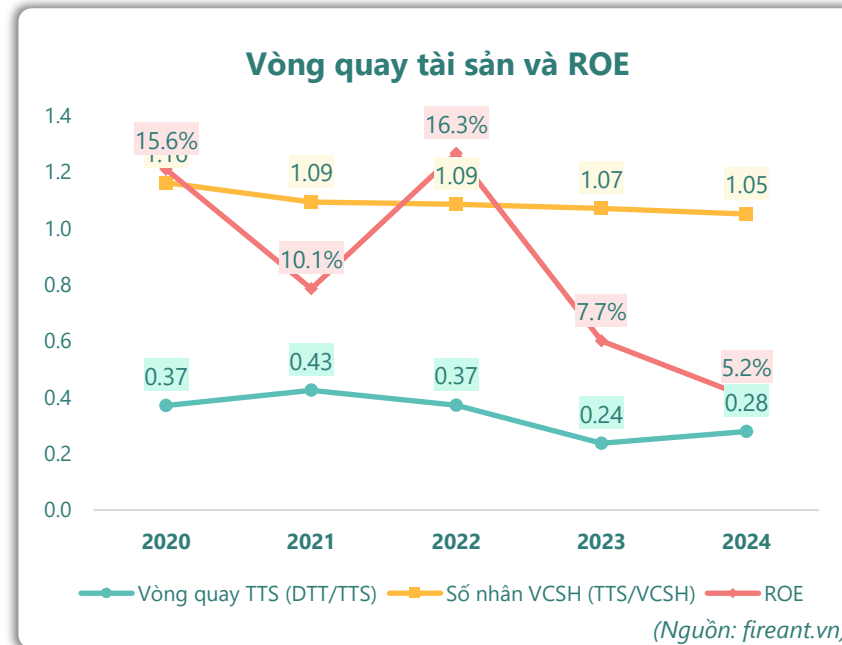
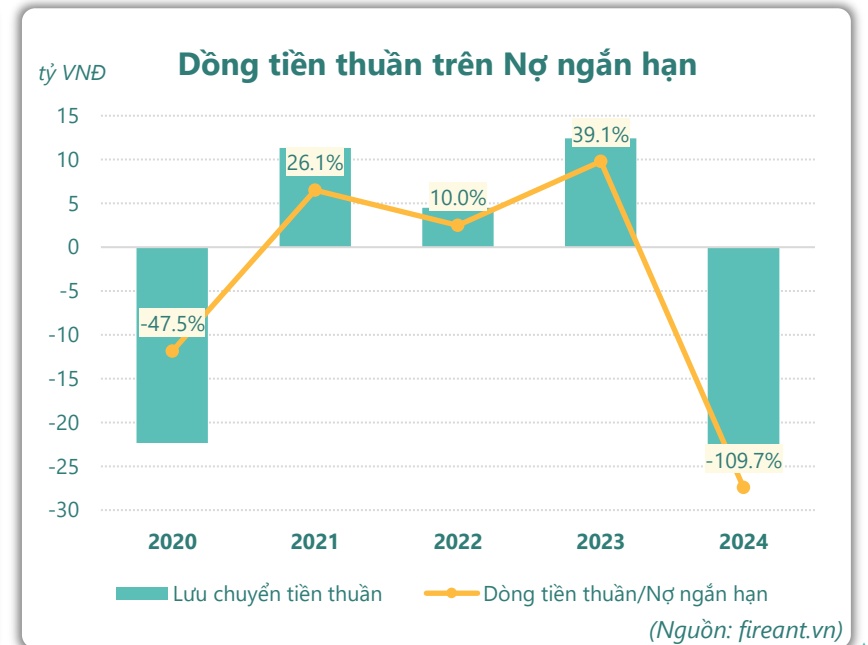
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	71.9	28.5	152%	166	142	16.3%
Giá vốn hàng bán	68.2	23.1	195%	143	118	21.2%
Lợi nhuận gộp	3.76	5.36	-29.8%	22.5	24.3	-7.4%
Doanh thu HĐTC	77.9	4.10	1800%	24.7	32.8	-24.6%
Chi phí TC	0.01	0.01	-13.9%	-2.18	2.25	-197%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	-70.1	7.51	-1033%	12.4	23.1	-46.2%
Chi phí bán hàng	2.58	1.52	70.0%	7.12	8.85	-19.5%
Chi phí QLDN	10.3	5.50	87.7%	25.9	24.7	4.5%
LN thuần từ HĐKD	-1.32	9.93	-113%	28.8	44.3	-34.9%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.02	98.1%	1.07	0.28	277%
LN trước thuế	-1.32	9.91	-113%	29.9	44.6	-33.0%
Lợi nhuận sau thuế	-1.32	9.70	-114%	29.3	43.3	-32.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.30	9.71	-113%	29.2	43.3	-32.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.97	-7.86	-7.00	-0.23	-85.6	-6.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	19.9	-17.6	17.8	5.30	87.6	18.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-17.8	-1.13	0.97	0
Tiền đầu kỳ	17.5	40.2	14.7	7.71	11.7	14.6
Lưu chuyển tiền thuần	22.9	-25.5	-7.01	3.94	2.96	11.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.16	0.00	0.00	0.01	-0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	40.2	14.7	7.71	11.7	14.6	26.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	596	596	0.0%
Tài sản ngắn hạn	260	190	36.6%
Tiền và tương đương tiền	26.2	14.6	79.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	108	51.0	112%
Phải thu ngắn hạn	120	119	0.8%
Hàng tồn kho	2.35	3.83	-38.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.38	1.82	85.4%
Tài sản dài hạn	336	406	-17.2%
Phải thu dài hạn	1.14	0.72	57.8%
Tài sản cố định	29.4	28.4	3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.19	0.94	-79.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	305	375	-18.7%
Tài sản dài hạn khác	0.93	1.29	-27.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.9	24.8	4.3%
Nợ ngắn hạn	24.9	23.3	6.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.06	10.2	-21.0%
Nợ dài hạn	1.02	1.48	-31.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	570	572	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	570	572	-0.2%
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

